

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày 28/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Dương; Bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Bá Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST ngày 27/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ. Bà L có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị L: Ông Phạm Văn C sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn 7, xã X, huyện E, tỉnh Đ. Ông C có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Phan Văn V sinh năm 1969 bà Phạm Thị H sinh năm 1971. Bà H ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng. Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông V có mặt tại phiên tòa, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đức T sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ. Ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Văn C trình bày:*

Do có sự quen biết, trước ngày 01/01/2023 bà Phạm Thị L đã cho bà Phạm Thị H vay 100.000.000đồng, song bà H đã trả nợ xong cho bà L. Ngày 01/01/2023, vợ chồng ông V bà H đến nhà bà L vay tiền. Bà H trực tiếp ký tên và viết vào phần cuối của giấy mượn tiền và bà L đã đưa tiền cho bà H 50.000.000đồng. Theo giấy mượn tiền, hai bên không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất. Nhưng bà L và bà H thỏa thuận miệng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi 0,83%/tháng. Đến thời hạn trả nợ, bà H không trả nợ gốc và tiền lãi cho bà L. Bà L đã nhiều lần đến nhà vợ chồng ông V bà H yêu cầu trả nợ, thì ông V bà H có những lời nói xúc phạm, thách thức bà L.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, bà L gửi thông báo yêu cầu bà H đến ngày 16/4/2023 phải trả cho bà L nợ gốc và tiền lãi. Nhưng bà H trốn tránh không trả nợ cho bà L.

Mặc dù ông V không ký vào giấy mượn tiền ngày 01/01/2023, nhưng ông V và bà H là vợ chồng, bà H vay tiền để sử dụng vào mục đích sinh hoạt của gia đình, nên bà L yêu cầu ông V và bà H cùng có trách nhiệm phải trả cho bà L 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả nợ xong, tiền lãi tạm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 28/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 0,83%/tháng là 3.693.500đồng = $50.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 8\text{ tháng } 27\text{ ngày}$. Tổng cộng là 53.693.500đồng.

** Bị đơn là vợ chồng ông Phan Văn V bà Phạm Thị H, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Văn V trình bày:*

Tôi và bà H là vợ chồng, hiện nay bà H đi bán hàng thuê ở huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu), thỉnh thoảng bà H mới về. Cách đây đã lâu (trước năm 2023), vợ chồng tôi có vay bà L 50.000.000đồng, nhưng đã trả hết nợ cho bà L. Khi nhận được thông báo của Tòa án về việc bà L khởi kiện vợ chồng tôi phải trả cho bà L 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh. Tôi gọi điện thoại cho bà H, bà H viết giấy đề tôi nộp cho Tòa án, bà H thừa nhận vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2022, bà H có vay của bà L 04 lần, như sau:

Lần 1: 5.000.000đồng, lãi suất 300.000 đồng/tháng;

Lần 2: 5.000.000đồng, lãi suất 600.000 đồng/tháng;

Lần 3: 15.000.000đồng, lãi suất 1.800.000 đồng/tháng;

Lần 4: 5.000.000đồng, lãi 600.000 đồng/tháng;

Số tiền bà H đã trả cho bà L như sau: Ngày 20/10/2022 bà H trả 5.000.000đồng cho bà L, ngày 28/12/2022 bà H trả cho bà L 3.000.000đồng. Vào cuối năm 2022 (AL) ông Trần Đức T (chồng bà L) đến nhà vợ chồng tôi bắt 01 con heo nặng 34kg

thành tiền là 3.400.000đồng để trừ nợ. Ngày 20/01/2023, bà H trả cho bà L 1.500.000đồng. Giấy vay tiền và trả tiền cho bà L, bà H không lưu giữ. Như vậy, bà H chỉ còn nợ bà L 17.100.000đồng, vợ chồng tôi chấp nhận trả cho bà L số tiền này.

Tôi thừa nhận, chữ viết và chữ ký là do bà H viết vào giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2023 mà bà L đã nộp cho Tòa án, theo đó bà H viết mượn của bà L 50.000.000đồng, nhưng không biết viết trong trường hợp nào. Thực tế, tôi và bà H không đến nhà bà L vay tiền của bà L như bà L trình bày. Vào cuối tháng 02/2023 (AL) bà L liên tục xuống nhà tôi đòi nợ bà H, nhưng bà H nói có vay tiền của bà L, nhưng đã trả được một phần, chỉ còn nợ bà L ít tiền, chứ bà L không nói bà H phải trả 50.000.000đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Đức T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Tôi và bà L là vợ chồng, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V bà H phải trả 50.000.000đồng tiền vay cùng tiền lãi phát sinh theo giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2023, tôi không liên quan gì và không yêu cầu gì đối với bà L cùng vợ chồng ông V bà H.

Ngày 28 tết năm 2022 (AL), vợ tôi (bà L) nói tôi xuống nhà vợ chồng ông V bà H bắt một con heo nặng trên 30kg về làm thịt. Tôi nhớ, khi tôi chở heo về nhà thì bà H cũng đến nhà tôi để nhận tiền bán heo hơn 3.000.000đồng từ bà L. Tôi không nghe nói gì về việc vay mượn tiền, trừ nợ tiền bán heo.

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng theo đúng quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L: Buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Văn V bà Phạm Thị H phải trả cho bà Phạm Thị L tiền nợ gốc 50.000.000đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.693.500đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phan Văn V bà Phạm Thị H phải trả tiền vay và tiền lãi phát sinh. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Nguyên đơn bà L ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng; Bị đơn bà H ủy quyền cho bị đơn ông V (chồng bà H) tham gia tố tụng. Việc ủy quyền của các đương sự tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 85 BLTTDS.

[2]. Về nội dung.

[2.1] Khoản tiền vay:

Bị đơn ông V cho rằng trước ngày 01/01/2023, vợ chồng ông V bà H có vay của nguyên đơn bà L 50.000.000đồng, nhưng đã trả hết nợ cho nguyên đơn. Vào tháng 7, tháng 8 năm 2022 bà H vay của nguyên đơn 4 lần tổng cộng là 30.000.000đồng, bà H đã trả cho nguyên đơn 12.900.000đồng (bao gồm 3.400.000đồng trị giá tiền bị đơn bán heo cho nguyên đơn để khấu trừ nợ), bà H chỉ còn nợ nguyên đơn 17.100.000đồng. Nhưng bị đơn không có chứng cứ, tài liệu để chứng minh, nên lời trình bày của bị đơn vợ chồng ông V bà H là không có cơ sở.

Theo giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2023, mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, bị đơn ông V thừa nhận bị đơn bà H có ký và viết xác nhận vào phần cuối giấy mượn tiền với nội dung *"Hôm nay, ngày 1-1-2023 chị H có mượn của L 50.000.000đồng, năm mươi triệu đồng chẵn"*. Bị đơn không thừa nhận có vay và còn nợ nguyên đơn theo giấy mượn tiền này, nhưng không chứng minh được bà H ký và viết nhận nợ trong trường hợp nào. Theo Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định về Hợp đồng vay tài sản *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."*. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định bị đơn bà H có vay và còn nợ nguyên đơn bà L 50.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 01/01/2023.

[2.2] Về tiền lãi và trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Theo nội dung giấy mượn tiền ngày 01/01/2023, không thể hiện việc vay tiền có lãi suất và có thời hạn trả nợ. Như vậy, có căn cứ xác định, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, được quy định tại khoản 1 Điều 469 BLDS *"1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau"*

biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”. Ngày 06/4/2023, nguyên đơn gửi thông báo yêu cầu bị đơn bà H đến ngày 16/4/2023 phải trả nợ cho nguyên đơn (*bút lục số 05*), nhưng phía bị đơn không có ý kiến gì. Mặt khác, bị đơn ông V cũng trình bày, vào cuối tháng 02 năm 2023 (AL) bà L đã đến nhà vợ chồng ông V bà H nhiều lần, để yêu cầu bà H trả tiền. Như vậy, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu được tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý. Vậy, thời gian hợp lý là ngày 17 tháng 4 năm 2023 là phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Điều 357 BLDS quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.* Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX cần chấp nhận.

Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/ 01/2023 là không có căn cứ. Mà thời điểm bắt đầu tính lãi được tính từ ngày 17 /4 / 2023 (ngày bắt đầu bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn) đến ngày 28 tháng 9 năm 2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là $(164 \text{ ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) : 30 = 2.268,666 \text{ đồng}$ lấy tròn số là 2.269.000 đồng.

[2.3] Bà H vay tiền của bà L để sử dụng vào mục đích sinh hoạt của gia đình và ông V cũng thừa nhận là biết bà H vay tiền để trang trải sinh hoạt trong gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.* Nên, cần buộc vợ chồng ông V bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà L 52.269.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 2.269.000 đồng, là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] HĐXX bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn vợ chồng ông V bà H phải trả tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 16/4/2023 là $1.424.500 \text{ đồng} = 3.693.500 \text{ đồng}$ (tiền lãi nguyên đơn yêu cầu) - 2.269.000 đồng (tiền lãi nguyên đơn yêu cầu được HĐXX chấp nhận)

[2.5] Ông T và bà L là vợ chồng, ông T không yêu cầu gì đối với nguyên đơn bà L và bị đơn vợ chồng ông V bà H trong vụ án. Nên HĐXX không xem xét quyền và nghĩa vụ của ông T trong vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 16/4/2023 là 1.424.500đồng không được HĐXX chấp nhận; Do yêu cầu của nguyên đơn bà L được HĐXX chấp nhận một phần, nên bị đơn vợ chồng ông V bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.613.000đồng = 52.269.000đồng x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 468 và Điều 469 của Bộ Luật Dân sự; Điều 27 và Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L:

1.1. Buộc vợ chồng ông Phan Văn V bà Phạm Thị H phải trả cho bà Phạm Thị L 52.269.000đồng (*Năm mươi hai triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi là 2.269.000đồng, theo giấy mượn tiền ngày 01/01/2023.

Kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 đến khi thi hành xong bản án, người phải thi hành án phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phan Văn V bà Phạm Thị H phải trả tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 16/4/2023 là 1.424.500đồng.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Phan Văn V bà Phạm Thị H phải chịu 2.613.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.312.000đồng mà bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 60AA/2022/0000651 ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk. Trả lại cho bà L 1.012.000đồng.

3. Thông báo quyền kháng cáo :

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án DSST trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án DSST trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương

